TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2024/QĐST-HNGĐ	*MS, ngày 13 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1998. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản M, xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản M, xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị N và anh Lò Văn T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Hà Thị N và anh Lò Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị N, anh T có 02 con chung là cháu Lò Thị Ánh Ng sinh ngày 12/11/2015, cháu Lò Thị Ngọc Tr sinh ngày 13/3/2018. Chị N, anh T thống nhất: Giao cháu Lò Thị Ánh Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giáo cháu Lò Thị Ngọc Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; cho đến khi các cháu Ng, Tr đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị N, anh T được quyền thăm gặp con, không ai được cản trở chị N, anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung: Chị N, anh T không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung: Không có

đ. Về án phí: Chị Hà Thị N nhận chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001320 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Chị N được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xãMB, huyện MS;
- Lưu: hồ sơ.

Tráng A Tếnh